

Số: 14/BC-ĐBCLGD

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2016

I. Mục đích khảo sát và yêu cầu

1. Mục đích khảo sát

- Thu thập thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên (SV) sau 01 năm tốt nghiệp; làm cơ sở cho việc đánh giá, điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm.
- Làm cơ sở để đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, đăng ký mở ngành đào tạo..., đồng thời để cung cấp số liệu phục vụ cho báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục và báo cáo công khai chất lượng giáo dục.
- Làm báo cáo gửi về UBND Tỉnh Bạc Liêu và Bộ GD&ĐT hàng năm.

2. Yêu cầu

- Khảo sát SV Đại học & Cao đẳng hệ chính quy của Trường Đại học Bạc Liêu tốt nghiệp năm 2016.
- Nội dung khảo sát phải đánh giá được các mục đích đề ra.
- Việc thực hiện khảo sát phải nghiêm túc, đúng tiến độ.

II. Quá trình thực hiện

1. Đối tượng

- SV tốt nghiệp hệ chính quy tại trường ĐHBL năm 2016 của tất cả các ngành đào tạo.

2. Phương pháp

- Gọi điện thoại trực tiếp đến từng SV tốt nghiệp (chủ yếu).
- Khảo sát online trên trang website <https://goo.gl/aCQlkK> (Có đính kèm link trên trang chủ Đại học Bạc Liêu).
- Gửi Email thông báo cho SV tốt nghiệp.

3. Thời gian

- Từ tháng 12/2016 đến tháng 10/2017.

III. Thống kê kết quả

☒ Số SV tốt nghiệp khảo sát (có thông tin) là 497 SV, trong đó:

- Bạc Đại học: 148 SV.
- Bạc Cao Đẳng: 349 SV.
- ☒ Kết quả khảo sát
- Số SV phản hồi: 250 SV, chiếm 50,3% tổng số SV.

- Số SV không phản hồi: 247 SV, chiếm 49,7% tổng số SV.

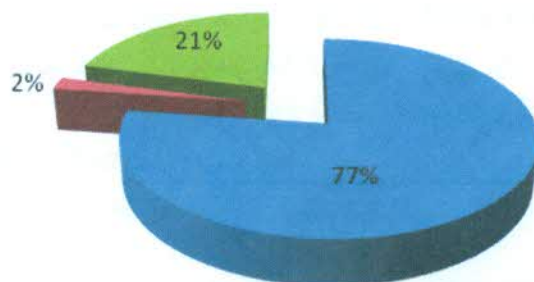
☒ Kết quả thống kê

1. Tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp

Sau một năm tốt nghiệp, Số SV Trường Đại học Bạc Liêu có việc làm là 193/250 – chiếm 77%, chưa có việc làm là 52/250 – chiếm 21% & hiện đang có 5 SV đang theo học tiếp để nâng cao trình độ. Kết quả cho thấy khả năng SV Trường Đại học Bạc Liêu sau khi tốt nghiệp khả năng tìm được việc làm khá cao, đặc biệt là ngành Giáo dục mầm non.

Biểu đồ thể hiện tình trạng việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp

■ Số SV có việc làm ■ Số SV học lên cao ■ Số SV chưa có việc làm



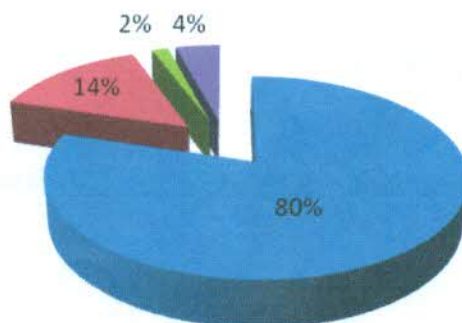
2. Thời gian tìm việc làm của SV

Theo khảo sát, 154/193 SV tốt nghiệp tìm được việc làm trong 3 tháng đầu tiên, 28/193 SV tìm được việc làm trong 6 tháng và 11/193 tìm được việc làm sau 1 năm tốt nghiệp.

Điều này cho thấy nhà trường rất quan tâm đến vấn đề việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp, đã tổ chức định hướng nghề nghiệp cho SV trước khi rời khỏi ghế nhà trường; đồng thời SV cũng chủ động tìm kiếm việc làm khi chưa nhận bằng tốt nghiệp nhằm giúp bản thân có thể tự chủ về kinh tế sau khi ra trường.

Biểu đồ thể hiện thời gian tìm được việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp

■ Từ 1-3 tháng ■ Từ 4-6 tháng ■ Từ 7-9 tháng ■ Từ 10-12 tháng

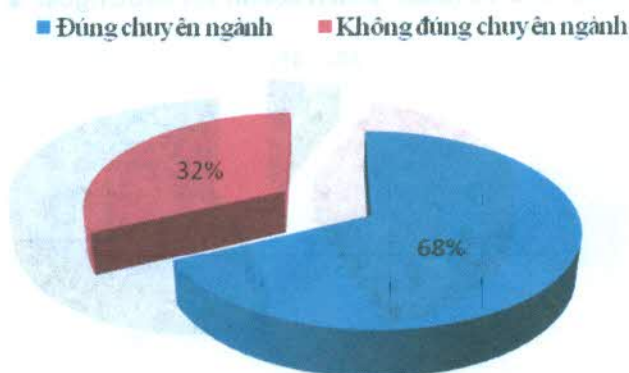


3. Tình trạng việc làm của sinh viên so với chuyên ngành được đào tạo

Có thể thấy, 132/193 số SV có việc làm đúng chuyên ngành đã học là một tín hiệu đáng mừng cho nhà trường. Tuy nhiên hầu hết trong số đó đều tập trung ở hai chuyên ngành đào tạo: Giáo dục mầm non & Giáo dục tiểu học. Bởi đây là 2 ngành đào tạo đặc thù khó tìm việc làm ở những môi trường khác.

61/193 SV làm trái chuyên ngành cho rằng họ rất khó tìm được công việc đúng chuyên môn, phần vì những công việc khác cho họ trải nghiệm mới mẻ và thu nhập cao hơn.

Biểu đồ thể hiện việc làm của SV so với chuyên ngành đào tạo

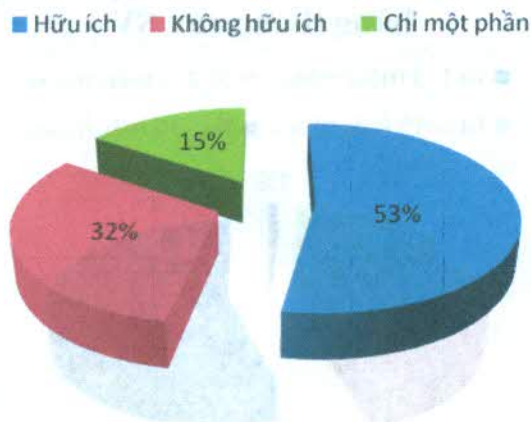


4. Sự hữu ích của kiến thức và kỹ năng do Trường đào tạo so với nhu cầu xã hội

102/193 số SV có việc làm trả lời rằng họ có thể áp dụng được các kiến thức và kỹ năng mà nhà trường đào tạo vào công việc thực tế sau khi tốt nghiệp là một tín hiệu lạc quan.

Tuy nhiên, 91/193 SV còn chưa áp dụng hoặc áp dụng chỉ 1 phần kiến thức do trường đào tạo vào môi trường làm việc thực tế là minh chứng rõ nhất để nhà trường phải thường xuyên cập nhật, thay đổi chương trình đào tạo thiết thực hơn nữa, mang kiến thức dạy trên giảng đường đến gần thực tế hơn với tất cả SV.

Biểu đồ thể hiện sự hữu ích của kiến thức và kỹ năng do Trường đào tạo so với nhu cầu XH

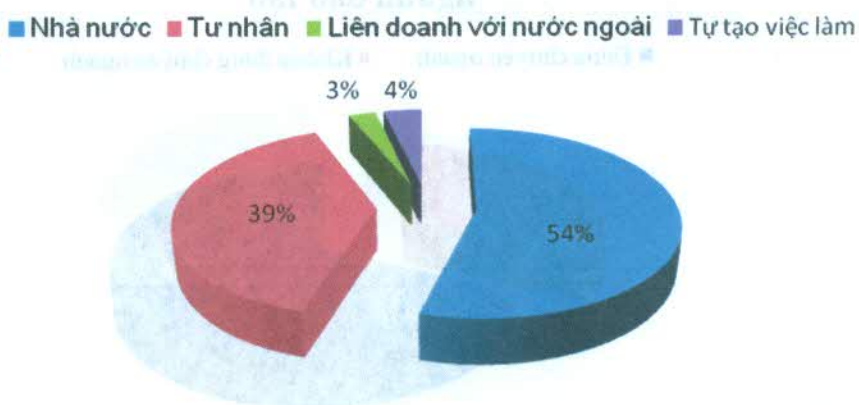


5. Khu vực làm việc của SV tốt nghiệp

Phần đông các SV sau khi ra trường trả lời rằng họ cần một việc làm đúng với đam mê, sở thích và năng lực của bản thân & không quan tâm nhiều đó là đơn vị sự nghiệp nhà nước hay các tập đoàn tư nhân. Do đó, số lượng SV Đại học Bạc Liêu làm việc ở nhà nước và tư nhân không quá chênh lệch nhau.

Số lượng SV làm việc cho đơn vị sự nghiệp công lập là 105/193, làm cho tư nhân là 76/193, làm cho các tập đoàn nước ngoài hoặc có vốn đầu tư từ nước ngoài là 5/193 và tự tạo việc làm là 7/193.

Biểu đồ thể hiện khu vực làm việc của SV sau khi tốt nghiệp

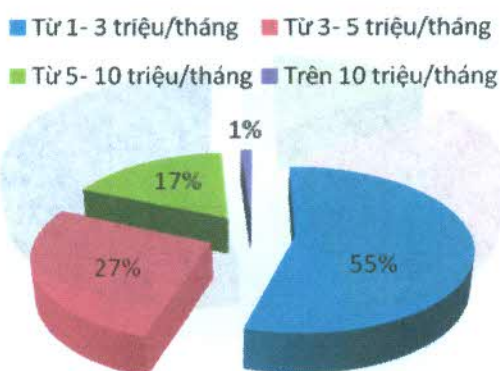


6. Mức thu nhập bình quân hàng tháng của SV tốt nghiệp

Có thể thấy, hầu hết SV vừa mới ra trường nhận lương khoảng 3 triệu/tháng. Một số ít nhận lương 5-10 triệu/tháng hoặc trên 10 triệu/tháng, những SV này chủ yếu là làm cho các công ty tư nhân hoặc liên doanh với nước ngoài và hưởng lương dựa trên năng suất làm việc. Nhìn chung, với mức lương như biểu đồ là rất hợp lý cho những SV ra trường và làm việc tại Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là ở 2 tỉnh: Bạc Liêu và Cà Mau.

Cụ thể, 101 SV có thu nhập từ 1-3 triệu/tháng, 51 SV có thu nhập từ 3-5 triệu/tháng, 31 SV có thu nhập từ 5-10 triệu/tháng và 2 SV có thu nhập trên 10 triệu/tháng (8 SV không tiết lộ mức thu thập cụ thể của mình).

Biểu đồ thể hiện mức thu nhập bình quân hàng tháng của SV



7. Thông kê chi tiết tình trạng việc làm theo từng chuyên ngành

TT	Chuyên ngành	SL SV phản hồi	Tình trạng việc làm				Việc làm PH chuyên ngành				Ghi chú
			Có việc	Tỉ lệ (%)	Chưa có việc	Tỉ lệ (%)	Phù hợp	Tỉ lệ (%)	Không phù hợp	Tỉ lệ (%)	
1	GDMN	84	77	91.7	6	7.1	76	98.7	1	1.3	1 SV đang học lên cao
2	GDTH	20	15	75	5	25	12	80	3	20	
3	CD Kế Toán	18	10	55.6	7	38.9	6	60	4	40	1 SV đang học lên cao
4	ĐH Kế Toán	30	24	80	6	20	10	41.7	14	58.3	
5	VNH	8	7	87.5	1	12.5	3	42.9	4	57.1	
6	TV & VH VN	24	18	75	5	20.8	6	33.3	12	66.7	1 SV đang học lên cao
7	TCNH	28	22	78.6	5	17.9	8	36.4	14	63.6	1 SV đang học lên cao
8	NN Anh	12	7	58.3	4	33.3	3	42.9	4	57.1	1 SV đang học lên cao
9	SP. TA	3	2	66.7	1	33.3	2	100	0	0	
10	NTTS	7	4	57.1	3	42.9	4	100	0	0	
11	CD SP. LS	8	2	25	6	75	0	0	2	100	
12	CD CNTT	8	5	62.5	3	37.5	2	40	3	60	
13	Quản trị kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Số SVTN muộn 1 năm
Tổng cộng		250	193		52		132		61		

8. Thông kê tình trạng việc làm theo trình độ

TT	Trình độ TN	SL SV phản hồi	Tình trạng việc làm				Việc làm PH chuyên ngành				Ghi chú
			Có việc	Tỉ lệ (%)	Chưa có việc	Tỉ lệ (%)	Phù hợp	Tỉ lệ (%)	Không phù hợp	Tỉ lệ (%)	
1	Đại học	94	71	75.5	20	21.3	27	38	44	62	03 SV đang học lên cao
2	Cao đẳng	156	122	78.2	32	20.5	105	86.1	17	13.9	02 SV đang học lên cao
Tổng		250	193		52		132		61		

